

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2026/HS-PT
Ngày 16 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Nguyên

Bà Đỗ Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Trương Văn L cùng các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2026/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Văn L, sinh ngày 01/01/1970 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052070007134; nơi cư trú: Khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương L1, sinh năm 1943 và bà Lê Thị N, sinh năm 1944; vợ: Võ Thị Kim N1, sinh năm 1972; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 18/10/2024, bị Trưởng Công an phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (cũ) xử phạt 350.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt xong ngày 21/10/2024; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2025 cho đến ngày 24/10/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Văn T, sinh ngày 20/4/1989 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052089003559; nơi cư trú: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị C (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

26/9/2025 cho đến ngày 24/10/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

3. Lê Thị Hoài T2, sinh ngày 02/11/1979 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052179013651; nơi cư trú: Khu phố L, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thiên V, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1955; chồng: Phan Văn T3, sinh năm 1978; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004 và nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/8/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (cũ) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức khác mà được, thua bằng tiền, đã nộp phạt xong ngày 26/8/2021; bị tạm giữ từ ngày 26/9/2025 cho đến ngày 05/10/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Nguyễn Văn P, sinh ngày 13/02/1983 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052083016662; nơi cư trú: Khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L2 (chết) và bà Phan Thị C1, sinh năm 1950; vợ: Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1984; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003 và nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 10/8/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2011.

- Ngày 25/5/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/4/2013.

- Ngày 23/7/2018, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nay là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng) xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2022.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/9/2025 cho đến ngày 05/10/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Thị N2, sinh ngày 01/01/1979 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052179017196; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan K (chết) và bà Huỳnh Thị N3, sinh năm 1940; chồng: Lê Văn C2, sinh năm 1974; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004 và nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2025 cho đến ngày 24/10/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thành C3, sinh ngày 04/01/1983 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052083017868; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (chết) và bà Đỗ Thị S (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2025 cho đến ngày 24/10/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thị H2, sinh ngày 22/10/1978 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052178014817; nơi cư trú: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L3, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1957; chồng: Võ Văn T4, sinh năm 1977; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 26/9/2025 cho đến ngày 05/10/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn L:* Ông Hồ Văn H3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T6, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hoài T2:*

1. Ông Hồ Văn H3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T6, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

2. Ông Phạm Minh T5 – Luật sư thuộc Văn phòng L5 - Đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: Số F đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ngoài ra, còn có bị cáo Trần M không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/9/2025, Trương Văn L đang ở trại chăn nuôi heo thuộc khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai thì có Trần M, Lê Thị Hoài T2, Phan Thị N2 và Nguyễn Thành C3 lần lượt đến để đánh bạc thắng thua bằng tiền Việt Nam dưới hình thức rung xóc bầu cua. Lúc này, L lấy bộ rung bầu cua có sẵn trong trại nuôi heo rồi cùng cả nhóm đi đến khu vực rẫy keo của ông Nguyễn Văn C4 để chơi. Sau đó, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn P và Đỗ Văn T cũng đến tham gia. Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc như sau: L - 5.500.000 đồng, T - 4.200.000 đồng, T2 - 3.970.000 đồng, P - 1.700.000 đồng, N2 - 1.400.000 đồng, C3 - 1.000.000 đồng, H2 - 770.000 đồng và M - 530.000 đồng.

Các bị cáo thỏa thuận hình thức chơi bầu cua như sau: Chủ cái là L sử dụng một đĩa nhôm, tô nhôm đáy kín, bên trong có 03 khối hình lập phương được làm bằng xốp, mỗi khối hình lập phương có dán xung quanh hình 06 con vật: Bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và một bàn giấy có in hình 06 con vật tương ứng. Chủ cái dùng tô

nhôm đầy kín trên đĩa nhôm xóc cho 03 khối hình lập phương nhảy lộn xộn rồi đặt xuống nền, người chơi đặt cược tiền vào hình các con vật tùy ý trên bàn giấy hoặc có thể tả tiền của nhau. Sau đó, chủ cái mở nắp ra, nếu mặt trên cùng của 03 khối hình lập phương trên đĩa nhôm có hình con vật phù hợp với hình con vật mà người chơi đặt trên bàn giấy thì chủ cái thua và chung tiền với tỷ lệ trúng 01 hình thì chung 1:1, trúng 02 hình thì chung 1:2, trúng 03 hình thì chung 1:3, nếu hình con vật trên 03 khối hình lập phương khác với hình con vật mà người chơi đã đặt trên bàn giấy thì chủ cái thắng, người chơi mất toàn bộ số tiền đã đặt cược.

Khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, Công an tỉnh G bắt quả tang, thu nhiều vật chứng có liên quan và tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 19.070.000 đồng. Trong đó, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 290.000 đồng, thu giữ số tiền sẽ được dùng để đánh bạc trên tay và trong người của các bị cáo tổng cộng là 18.780.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2026/HS-ST ngày 19/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai đã căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo T2 và Phường 06 tháng tù, bị cáo H2 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”; căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo T, N2 và C3 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo Trần M, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/01/2026 và ngày 28/01/2026, các bị cáo L, T, T2, P, N2, C3 và H2 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L, P, H2, N2, C3 giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo và theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/7/2026, bị cáo T2 giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo L, T, T2, P, N2, C3 và H2; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn H3 (người bào chữa cho các bị cáo Trương Văn L và Lê Thị Hoài T2) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo L và T2, xử phạt các bị cáo L và T2 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Theo bài bào chữa của luật sư tại phiên tòa gửi kèm theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/7/2026, ông Phạm Minh T5 (người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hoài T2) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo T2, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo T2 được hưởng án treo.

Các bị cáo L, P, H2, N2, C3 nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các bị cáo Lê Thị Hoài T2, Đỗ Văn T và Luật sư Phạm Minh T5 tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 14/7/2026 và ngày 16/7/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo T2 và Luật sư Phạm Minh T5; ngoài ra, bị cáo T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, các bị cáo T, T2 đã có bản khai cụ thể, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án; kèm theo đơn xin xét xử vắng mặt, ông T5 cũng đã gửi bài bào chữa của luật sư tại phiên tòa và đồng thời bị cáo T2 còn có người bào chữa là Trợ giúp viên pháp lý ông Hồ Văn H3 cũng có mặt tại phiên tòa. Do đó, sự vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo T, T2 và ông T5 theo quy định.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Chiều ngày 26/9/2025 tại khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai, các bị cáo Trương Văn L, Trần M, Lê Thị Hoài T2, Phan Thị N2, Nguyễn Thành C3, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn P, Đỗ Văn T đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi bầu cua, thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 19.070.000 đồng.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng được nhà nước bảo hộ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo L, T, T2, P, N2, C3 và H2, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong vụ án này, mặc dù có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự phân công vai trò thực hiện hành vi, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không lớn.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo L, T, T2, P, N2, C3 và H2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L còn là người khuyết tật nặng, có nhiều bệnh lý như Đợt cấp COPD/Tăng huyết áp/Cơn đau thắt ngực/Suy hô hấp,...; gia đình các bị cáo T2, H2 có công với cách mạng; bị cáo T2 hiện đang bị bệnh HIV dẫn đến bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng; bị cáo N2 có 03 con nhỏ đều đang độ tuổi đi học. Do đó, bị cáo L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo T2, H2, N2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo L, T2 đã từng bị cơ quan Công an xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc và bị cáo P có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử 3 lần về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo L, T2, P 06 tháng tù (mức thấp nhất của khung hình phạt) và các bị cáo H2, T, N2, C3 04 tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) là tương xứng với tính chất, vai trò, hành vi, nhân thân của từng bị cáo. Ngoài ra, việc cho các bị cáo L, T, T2, P, N2, C3 và H2 được hưởng án treo là không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo L, T, T2, P, N2, C3 và H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Bị cáo L là người khuyết tật nặng nên bị cáo được miễn án phí hình sự phúc thẩm và do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo T, T2, P, N2, C3, H2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo bị cáo H2, T, N2 và C3 04 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót, cần phải rút kinh nghiệm trong những lần xét xử tiếp theo; Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần quyết định về phần áp dụng điều luật đối với các bị cáo nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Hoài T2.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phan Thị N2, Nguyễn Thị H2.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Thành C3.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Văn L, Đỗ Văn T, Lê Thị Hoài T2, Nguyễn Văn P, Phan Thị N2, Nguyễn Thành C3, Nguyễn Thị H2.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2026/HS-ST ngày 19/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Trương Văn L, Đỗ Văn T, Lê Thị Hoài T2, Nguyễn Văn P, Phan Thị N2, Nguyễn Thành C3, Nguyễn Thị H2.

3. Tuyên bố các bị cáo Trương Văn L, Đỗ Văn T, Lê Thị Hoài T2, Nguyễn Văn P, Phan Thị N2, Nguyễn Thành C3, Nguyễn Thị H2 phạm tội “Đánh bạc”.

4. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trương Văn L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/9/2025 đến ngày 24/10/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/9/2025 đến ngày 05/10/2025.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Hoài T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/9/2025 đến ngày 05/10/2025.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị N2 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/9/2025 đến ngày 24/10/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/9/2025 đến ngày 05/10/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C3 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/9/2025 đến ngày 24/10/2025.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/9/2025 đến ngày 24/10/2025.

5. Về án phí:

- Bị cáo Trương Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Thị Hoài T2, Nguyễn Văn P, Phan Thị N2, Nguyễn Thành C3, Nguyễn Thị H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Sỹ